

CÁCH SỬ DỤNG NGÔN NGỮ HÌNH ẢNH CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ NHỮNG GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI CÔNG TÁC DẠY HỌC Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG VIỆT NAM HIỆN NAY

Dương Văn Khoa

Khoa Lý luận chính trị và Giáo dục Công dân, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Ngôn ngữ hình ảnh hay ngôn ngữ biểu tượng là cách sử dụng từ ngữ tạo ra hình ảnh để giao tiếp và thể hiện tư duy, tình cảm, ý chí... của con người. Xuất phát từ điều kiện hoàn cảnh của thực tiễn đất nước, yêu cầu đòi hỏi của cách mạng Việt Nam và năng lực về mặt văn hóa nói chung, ngôn ngữ nói riêng, Hồ Chí Minh đã thường xuyên sử dụng ngôn ngữ hình ảnh trong các bài nói, bài viết. Dùng từ ngữ giàu hình ảnh hoặc tạo hình ảnh để minh họa, giải thích cho những vấn đề khó hiểu, trừu tượng; tạo hình ảnh qua ca dao, tục ngữ, thành ngữ hoặc tự sáng tạo hình ảnh theo quy tắc của ca dao, tục ngữ, thành ngữ; sử dụng ngôn ngữ hình ảnh phù hợp với đối tượng giao tiếp... là các phương thức tiêu biểu sử dụng ngôn ngữ hình ảnh của Hồ Chí Minh. Đây là những kinh nghiệm quý báu cho công tác dạy học, tuyên huấn của chúng ta hiện nay. Khi vận dụng vào thực tiễn công tác dạy học, giáo viên cần sáng tạo, linh hoạt cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của địa phương mình.

Từ khóa: ngôn ngữ hình ảnh, Hồ Chí Minh, dạy học.

1. Mở đầu

Hồ Chí Minh là một nhà chính trị, lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam; đồng thời, Người cũng là nhà thơ, nhà văn, danh nhân văn hóa kiệt xuất của nhân loại. Người luôn gần gũi với nhân dân và giản dị nhưng thanh cao không chỉ trong sinh hoạt, ứng xử mà cả trong việc sử dụng ngôn ngữ (cách nói và viết giàu hình ảnh).

Vấn đề ngôn ngữ Hồ Chí Minh là chủ đề đã được giới nghiên cứu quan tâm tìm hiểu từ sớm, một số công trình tiêu biểu có thể kể đến là: *Cuốn Hồ Chí Minh tầm nhìn ngôn ngữ* của Nguyễn Lai, Nhà xuất bản (Nxb) Lao Động, năm 2007, đã tập trung lí giải các hiện tượng ngôn ngữ Hồ Chí Minh theo con đường biện chứng của triết học. Trong đó, ông đặc biệt chú ý phân tích tầm nhìn ngôn ngữ của Bác cũng như toàn bộ các thao tác điều hành hoạt động ngôn ngữ với hướng đích tác động vào đối tượng theo cơ chế chiều sâu của tư duy [1; tr.6].

Năm 2010, Viện Ngôn ngữ học cho ra đời cuốn *Chủ tịch Hồ Chí Minh với cách nói và cách viết*, Nxb Khoa học xã hội. Sách tập trung làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò, giá trị của ngôn ngữ dân tộc; lấy việc sử dụng, phát triển ngôn ngữ dân tộc làm chính, vay mượn tiếng nước ngoài là phụ, thống nhất một tiếng nói trong dân tộc Việt Nam, đồng thời, tạo điều kiện cho ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số phát triển [2, tr.10-14].

Bài viết “Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh một phong cách chuẩn mực, truyền thống và hiện đại”, tác giả Phạm Ngọc Hàm, đăng trên *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự*, số 07 năm 2017 đã làm rõ tính truyền thống và hiện đại của nghệ thuật ngôn từ trong

“Tuyên ngôn độc lập” của Hồ Chí Minh [3, tr.72-76]. Ngoài các công trình tiêu biểu kể trên còn có các bài viết như: “Chiều sâu tư tưởng và văn hóa qua các ẩn dụ trong ngôn ngữ của Chủ tịch Hồ Chí Minh” của Bùi Khánh Thế, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 9, năm 2009, tr.10-19; “Ngôn ngữ và văn hóa (Tìm hiểu ngôn ngữ Hồ Chí Minh trong bối cảnh văn hóa châu Á)”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 9, 2016, tr.16-25; “Sự vận dụng các phương tiện châm biếm trong ngôn ngữ Hồ Chí Minh của Hoàng Tất Thắng”, *Tạp chí Sông Hương*, số 195 năm 2009; Thanh Hải, “Nguyên tắc dùng từ của Bác Hồ: Giản dị, dễ hiểu mà giàu ý nghĩa”, *Tạp chí Văn nghệ quân đội* (online).v.v...

Các công trình, bài viết nêu trên đã đề cập ít nhiều đến vấn đề nghiên cứu ở các góc độ khác nhau. Tất cả đều có giá trị tham khảo tốt. Tuy vậy, cho đến nay chưa có chuyên luận, bài viết nào đề cập đến “Cách sử dụng ngôn ngữ hình ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và những giá trị đối với công tác dạy học ở trường phổ thông Việt Nam hiện nay”. Trên cơ sở tham khảo kết quả của những nhà nghiên cứu đi trước, trong khuôn khổ của một bài viết, tác giả tập trung làm rõ nguyên nhân, phương thức Hồ Chí Minh sử dụng ngôn ngữ hình ảnh và khuyến nghị vận dụng giá trị của vấn đề nghiên cứu nhằm thúc đẩy hoạt động dạy học ở các trường phổ thông nước ta hiện nay phát triển hơn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nguyên nhân Hồ Chí Minh sử dụng ngôn ngữ hình ảnh

Ngôn ngữ là “một hệ thống những đơn vị vật chất phục vụ cho việc giao tiếp của con người và được phản ánh trong ý thức của tập thể một cách độc lập với những tư tưởng, tình cảm và nguyện vọng cụ thể của con người, cũng như trừu tượng hoá khỏi những tư tưởng, tình cảm và nguyện vọng đó” [4; tr.311]. Ngôn ngữ hình ảnh (biểu tượng) cũng là ngôn ngữ, nhưng được thể hiện ở dạng hình ảnh hoặc giàu hình ảnh. Theo *Từ điển Tiếng Việt* của Hoàng Phê, “Biểu tượng” là “hình thức của nhận thức, cao hơn cảm giác, cho ta hình ảnh của sự vật còn giữ lại trong đầu óc khi tác động của sự vật vào giác quan ta đã chấm dứt” [5, tr.80]. Từ các định nghĩa nêu trên cho chúng ta một cách hiểu tương đối về ngôn ngữ hình ảnh hay ngôn ngữ biểu tượng, đó là cách sử dụng từ ngữ tạo ra hình ảnh để giao tiếp và thể hiện tư duy, tình cảm, ý chí... của con người. Bài viết này không tiếp cận “ngôn ngữ hình ảnh” ở góc độ tranh ảnh, video... hoặc dùng chữ tượng hình như một số dân tộc cổ xưa.

Sử dụng ngôn ngữ (nói và viết) là hành vi tự nhiên của con người. Tuy nhiên, đối với Hồ Chí Minh, trong đời sống của mình, đặc biệt từ khi tham gia cách mạng, việc nói gì, viết gì đều có mục đích: “viết cho ai”, “viết để làm gì?”, “mỗi tư tưởng, mỗi câu nói, mỗi chữ viết phải tả rõ cái tư tưởng và lòng ước ao của quần chúng” [6, tr.346]. Phong cách nói và viết giàu hình ảnh của Hồ Chí Minh bắt nguồn từ những nguyên nhân khách quan và chủ quan, tiêu biểu phải kể đến là:

Trước hết, Hồ Chí Minh rất am hiểu văn hóa truyền thống của dân tộc, trong đó có kho tàng dân ca, cao dao, tục ngữ, thành ngữ, truyện ngụ ngôn, cổ tích... Nhận xét về vấn đề này, tác giả của công trình nghiên cứu luận án tiến sĩ đã viết: “Thời thơ ấu, Bác đã từng tắm mình trong cái biển dân ca Nghệ Tĩnh, trong cái nôi ca nhạc tài tử ở Huế, Trị Thiên. Đặc biệt, Bác không chỉ làm quen, tiếp cận với người nghệ sĩ tuồng lỗi lạc - quan thượng thư Đào Tấn - ở Vinh, ở Huế mà còn đến tận quê hương của Đào Tấn để xem và góp ý” [7, tr.88]. Chính nền tảng văn hóa ban đầu ấy là một trong những yếu tố quan trọng giúp Hồ Chí Minh tiếp thu và cải biến các luồng văn hóa bên ngoài một cách hiệu quả, phù hợp và từng bước định hình nhân cách của Người. Văn hóa dân gian có những đặc trưng riêng hết sức độc đáo, nổi bật là tính biểu cảm và giàu hình ảnh, phản ánh đời sống vật chất, tinh thần phong phú, đa dạng của nhân dân ta trong quá trình lao động sản xuất, xây dựng đất nước, cùng công cuộc chống thiên tai và giặc ngoại xâm. Một học giả đã nhận xét: “Thành ngữ là sản phẩm của cách nói ví von phổ biến được tích lũy lâu đời nên đã góp phần tạo ra một đặc điểm ở tiếng Việt là rất giàu hình ảnh. Là một hiện tượng văn học đặc biệt trong việc kế thừa, phát triển vốn văn hoá đặc sắc của dân tộc

nên việc Hồ Chí Minh hay dùng thành ngữ, tục ngữ như là tất nhiên vậy” [8]. Những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc là một trong những nguồn gốc quan trọng góp phần hình thành nên tư tưởng cách mạng vĩ đại của Hồ Chí Minh.

Thứ hai, Hồ Chí Minh là bậc thầy về lĩnh vực ngôn ngữ học. Người am hiểu tường tận về ngôn ngữ Việt Nam. Người thường nhắc nhở nhân dân phải biết giữ gìn, phát huy, nâng cao ngôn ngữ của dân tộc ta: “Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp” [10, tr.465]; “không nên dùng tiếng ngoại quốc, khi có thể dùng tiếng ta” [6, tr.33]. Người cũng phê phán cách viết chữ tùy tiện, làm cho người đọc không hiểu, ảnh hưởng đến vẻ đẹp và sự trong sáng của tiếng Việt: “Có những khẩu hiệu viết rất to, nhưng Hồ Chủ tịch cũng không hiểu vì viết tắt cả một đồng. Không ai đọc được, có lẽ chỉ có anh viết khẩu hiệu ấy đọc được thôi, Hồ Chủ tịch không hiểu thì chắc dân cũng ít người hiểu” [11, tr.209]. Nhờ sự am hiểu đó giúp Hồ Chí Minh luôn chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong sử dụng tiếng Việt để phù hợp với hoàn cảnh, đối tượng giao tiếp và đạt được hiệu quả cao nhất.

Thứ ba, xuất phát từ thực trạng về trình độ nhận thức và khả năng đọc, viết chữ quốc ngữ của người dân Việt Nam. Sau Hiệp ước Patonôt (1884) do Triều đình nhà Nguyễn kí với thực dân Pháp, Việt Nam chính thức trở thành thuộc địa. Để dễ bề cai trị và bóc lột nhân dân ta, thực dân Pháp đã sử dụng chính sách “ngu dân”, chúng cố sù, tạo điều kiện cho văn hóa thực dân phát triển, đầu độc nhân dân ta bằng rượu và thuốc phiện, tăng cường bắt bớ, đàn áp và xây dựng nhà tù, hạn chế việc dạy học, xây trường. Chính sách “ngu dân” của thực dân Pháp đã ảnh hưởng trầm trọng tới chất lượng giống nòi và trình độ nhận thức của nhân dân. Theo số liệu điều tra ở những thập niên đầu thế kỉ XX, khoảng hơn 90% dân số Việt Nam mù chữ (riêng phụ nữ ở nông thôn là 100%), 90% làng xã không có trường học [12, tr.267]. Sau Cách mạng Tháng Tám (1945), Chính phủ Việt Nam thực hiện chiến dịch “diệt giặc đói”, phát động phong trào “Bình dân học vụ”. Kết quả của chiến dịch đã giúp cho nhiều người dân biết đọc, biết viết; đồng thời, nền học vấn quốc dân ngày càng được nâng cao khi hệ thống các trường học được xây dựng từng bước trong cả nước. Tuy vậy, từ năm 1945 đến năm 1969 (Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần), dân tộc ta phải tiến hành 2 cuộc kháng chiến vệ quốc chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, chiến tranh đã ảnh hưởng tiêu cực tới mọi mặt đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực giáo dục. Từ thực tế về trình độ nhận thức và khả năng đọc, viết của nhân dân nêu trên, Hồ Chí Minh đã thường xuyên sử dụng ngôn ngữ hình ảnh để người đọc, người nghe dễ hiểu hơn, nhận thức được vấn đề tốt hơn. Đúng như lời Người đã dạy: “mình viết ra cốt là để giáo dục, cổ động; nếu người xem mà không nhớ được, không hiểu được, là viết không đúng, nhằm không đúng mục đích. Mà muốn cho người xem hiểu được, nhớ được, làm được, thì phải viết cho đúng trình độ của người xem, viết rõ ràng, gọn gàng, chớ dùng chữ nhiều” [11, tr.207].

Thứ tư, xuất phát từ đặc trưng về tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin và yêu cầu của cách mạng Việt Nam. Chủ nghĩa xã hội khoa học hay còn gọi là chủ nghĩa Mác – Lênin, đó là: “hệ thống quan điểm và học thuyết” khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và sự phát triển của V.I.Lênin; là sự kế thừa và phát triển những giá trị của lịch sử tư tưởng nhân loại, trên cơ sở thực tiễn của thời đại; là khoa học về sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động và giải phóng con người; là thế giới quan và phương pháp luận phổ biến của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng” [13, tr.9-10]. Hệ thống những quan điểm của học thuyết Mác – Lênin có tính khái quát và trừu tượng cao, nhiều thuật ngữ còn xa lạ với nhân dân và mang đặc trưng riêng của lĩnh vực tư tưởng, khoa học chính trị như: “cách mạng vô sản”, “cách mạng tư sản”, “tư sản dân quyền cách mạng”, “phương thức sản xuất”, “kiến trúc thượng tầng”, “cơ sở hạ tầng”, “lực lượng sản xuất”, “quan hệ sản xuất”.v.v...

Từ khi đọc bản *Sơ thảo Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của V.I.Lênin vào năm 1920, Hồ Chí Minh đã chọn con đường cách mạng vô sản, Cách mạng Tháng Mười Nga, tích

cực truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Vào thời điểm ấy, Người đã nói: “Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng, muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hi sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư (Karl Marx-người viết) và Lênin” [14, tr.304].

Trước thực tế về trình độ nhận thức, khả năng đọc, viết của nhân dân, sự trừu tượng, khái quát cao của tri thức trong học thuyết Mác – Lênin và yêu cầu, đòi hỏi của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã tích cực sử dụng ngôn ngữ hình ảnh giao tiếp, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin, con đường cách mạng vô sản giúp nhân dân dễ hiểu, dễ nhớ.

2.2. Phương thức sử dụng ngôn ngữ hình ảnh của Hồ Chí Minh

Sử dụng hình ảnh để minh họa, giải thích cho những vấn đề khó hiểu, trừu tượng. Các vấn đề trở nên khó hiểu, trừu tượng bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, một phần có thể xuất phát từ trình độ nhận thức còn thấp của người nghe hoặc nội dung còn xa lạ đối với họ. Chính vì vậy, trong các bài nói, bài viết, Hồ Chí Minh thường lấy các hình ảnh quen thuộc, dễ hiểu để minh họa.

Đơn cử như, tháng 9-1958, trong chuyến thăm và nói chuyện với nhân dân tỉnh Yên Bái, Hồ Chí Minh đã sử dụng hình ảnh bàn tay để minh họa cho vấn đề đoàn kết dân tộc: “Tỉnh nhà có 10 dân tộc anh em. Trước kia bọn thực dân phong kiến chia rẽ chúng ta, chia rẽ các dân tộc, xúi giục dân tộc này hiềm khích oán ghét dân tộc khác để chúng áp bức bóc lột chúng ta. Nay chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ. Ví dụ: 10 dân tộc ở tỉnh nhà như 10 ngón tay. Nếu xòe 10 ngón tay mà bẻ từng ngón, như thế có dễ bẻ không? Nếu nắm chặt cả 10 ngón tay thì có bẻ được không? Nếu kẻ nào chia rẽ thì phải làm thế nào? Thì phải đập vào đầu chúng nó” [15, tr. 226].

Hoặc khi nói đến vấn đề công lí ở Đông Dương, Người đã ví von: “Công lí được tượng trưng bằng một người đàn bà dịu hiền, một tay cầm cân, một tay cầm kiếm. Vì đường từ Pháp đến Đông Dương xa quá, xa đến nỗi sang được tới đó thì cán cân đã mất thăng bằng, đĩa cân đã chảy lỏng ra và biến thành những tẩu thuốc phiện hoặc những chai rượu ty, nên người đàn bà tội nghiệp chỉ còn lại độc cái kiếm để chém giết. Bà chém giết đến cả người vô tội” [14, tr.99].

Chúng ta thấy, hiếm khi Hồ Chí Minh sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành để giải thích các vấn đề trong khoa học và đời sống. Ngôn ngữ của Người (trong đó có ngôn ngữ hình ảnh) rất đời thường, giản dị, gần gũi, dễ hiểu, nhưng hết sức trong sáng, chuẩn mực.

Khi nói đến bản chất của chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh nói: “chủ nghĩa xã hội là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng, v.v., làm của chung. Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên là trừ những người già cả, đau yếu và trẻ con” [16, tr.390].

Hồ Chí Minh thường nêu những hình ảnh rất quen thuộc với đối tượng giao tiếp, nên Người không cần phải giải thích thêm nhiều. Những hình ảnh quen thuộc thường xuyên xuất hiện trong các bài nói, bài viết của Người như: con cáo (*Con cáo và tổ ong*); sợi chỉ (*Bài ca sợi chỉ*), hòn đá (*Hòn đá to*), con đĩa (*Bản án chế độ thực dân Pháp*), con voi, châu chấu (*Châu chấu đá voi*), ruộng, rẫy, cuốc, cày...

Hình ảnh con đĩa tượng trưng cho thực dân Pháp trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* hết sức độc đáo, người dân Việt Nam (đặc biệt người nông dân) đều biết rõ đó là con vật hút máu người cần phải tiêu diệt, họ cũng biết cách để giết con đĩa đó; đồng thời, họ còn hiểu thêm được một điều rằng, để giết được hoàn toàn con đĩa tư bản chủ nghĩa ấy, nhân dân Việt Nam và nhân dân lao động Pháp phải đoàn kết chặt chẽ với nhau: “Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi thì cái vòi còn lại kia sẽ tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt sẽ lại mọc ra” [14, tr.130].

Không chỉ dùng ngôn ngữ hình ảnh khi giao tiếp với nhân dân Việt Nam (đa số có trình độ nhận thức còn thấp, đặc biệt thời thuộc địa) mà ngay cả những người có trình độ cao, Hồ Chí Minh vẫn sử dụng phương cách này. Đơn cử, khi tham dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản (1924), trong một bài tham luận nói về bản chất hiểm ác của chủ nghĩa tư bản, Người đã sử dụng hình ảnh “nọc độc của con rắn độc tư bản chủ nghĩa”. Để khẳng định vai trò, sứ mệnh quan trọng của cách mạng thuộc địa trong cuộc chiến chống lại chủ nghĩa tư bản, đế quốc, thực dân (quan trọng hơn cách mạng ở chính quốc), Người nói: “hiện nay nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc” [6, tr.296] và Người đã cảnh báo với các đại biểu tham dự đại hội rằng, cách mạng thế giới sẽ không giành thắng lợi nếu chỉ tập trung vào cách mạng chính quốc: “sau khi nghe những lời phát biểu của các đồng chí ở chính quốc, tôi có cảm tưởng là các đồng chí ấy muốn đánh chết rắn đàng đuôi” [17, tr.296].

Cuối năm 1945, quân Tưởng Giới Thạch kéo vào nước ta nhằm giải giáp quân đội Nhật, nhưng lại âm mưu hậu thuẫn cho tay sai định cướp chính quyền cách mạng của ta, Cụ Hồ triệu tập cuộc họp để bàn cách đối phó với địch. Tuy nhiên, có một số ý kiến bức xúc đòi đánh quân Tưởng, Cụ đã sử dụng hình ảnh chiếc bình ngọc, đàn kiền và cái que để giải thích cho mọi người hiểu rằng không thể đánh quân Tưởng như thế được và chỉ ra cách đuổi chúng ra khỏi đất nước: “Nền độc lập ta vừa mới giành được giống như một chiếc bình ngọc. Nay có những con kiến bò trên miệng bình, nếu ta dùng gậy đập kiến chưa chắc kiến đã chết mà bình ngọc vỡ. Nếu ta lấy một cái que bắc cầu cho chúng xuống thì kiến sẽ đi hết, như vậy có hơn không?” [18, tr.72].

Như vậy, với Hồ Chí Minh, dù đối tượng giao tiếp ở trình độ nào, việc sử dụng ngôn ngữ hình ảnh đều cần thiết. Nó sẽ giúp người nghe, đọc chú ý ngay (bởi sự sinh động của hình ảnh), hiểu nhanh vấn đề, tiết kiệm được thời gian đối thoại và nhớ sẽ lâu hơn (bởi sự sâu sắc của biểu tượng).

Tạo hình ảnh qua ca dao, tục ngữ, thành ngữ hoặc tự sáng tạo hình ảnh theo quy tắc của ca dao, tục ngữ, thành ngữ. Như đã nói ở trên, ca dao, tục ngữ, thành ngữ là loại hình văn học dân gian, ngôn ngữ nhân dân rất giàu hình ảnh, gần gũi với đời sống của con người. Hồ Chí Minh rất am hiểu loại hình văn học dân gian trên và thường xuyên sử dụng trong các bài viết, bài nói của mình. Người có những tác phẩm giá trị được làm theo thể loại thơ dân gian lục bát như: Việt Nam yêu cầu ca, Diễn ca về Mặt trận Việt Nam, Việt Nam quốc sử diễn ca, Con cáo và tổ ong, Bài ca sợi chỉ, Hòn đá to... Nội dung các tác phẩm dễ đọc, dễ nhớ, đậm chất nhạc và hình ảnh phong phú, ví dụ như: “Cầu rằng các nước Đông Minh/ Đem gươm công lí giết tình già man” (*Việt Nam yêu cầu ca*); “Bây: Xin hiến pháp ban hành/ Trăm điều phải có thần linh pháp quyền” (*Việt Nam yêu cầu ca*); “Quyết làm cho nước non này/ Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền” (*Diễn ca về Mặt trận Việt Nam*); “Khuyên ai nên nhớ chữ đồng/ Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh” (*Diễn ca về Mặt trận Việt Nam*); “Dân ta phải biết sử ta/ Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam” (*Việt Nam quốc sử diễn ca*); “Tổ ong lưng lẳng trên cành/ Trong đây mật ngọt ngon lành lắm thay” (*Con cáo và tổ ong*); “Hòn đá to, hòn đá nặng/ Một người nhắc, nhắc không đặng/ Hòn đá to, hòn đá nặng/ Nhiều người nhắc, nhắc sẽ đặng” (*Hòn đá to*)...

Có những trường hợp, Hồ Chí Minh dí dỏm, hài hước ngẫu nhiên sử dụng ngôn ngữ hình ảnh ứng khẩu thành thơ, khiến người nghe thấy gần gũi và vui vẻ. Đơn cử như: Một lần Bác đến thăm khu văn công, hàng trăm diễn viên quân bên Bác, có diễn viên nam len vào ngồi cạnh và đưa tay vuốt chòm râu... Bác không gạt tay anh mà nói vui: “Khéo chớ dứt râu Bác! Một sợi râu là một xâu bánh...” [8].

Hồ Chí Minh còn tạo thơ giống như thể loại Kiền để châm biếm, đả kích tổng thống Mỹ Giôn-xơn và Ken-nơ-đi “Xin mời Ken hãy rón ngòi/Đề nghe Zôn kể khúc nhôi đoạn trường” (hai nhân vật đang than vãn về số phận buồn tui của mình) [19, tr.341].

Sử dụng ngôn ngữ hình ảnh phù hợp với đối tượng giao tiếp. Hình ảnh trong cuộc sống rất phong phú đa dạng, nó càng phong phú, đa dạng hơn khi được tạo dựng qua ngôn ngữ (hình ảnh ảo, hình ảnh cụ thể, chân thật, tĩnh, động, trực quan...). Tùy từng đối tượng giao tiếp, Hồ Chí

Minh sẽ đưa ra những hình ảnh phù hợp với trình độ nhận thức, đặc thù nghề nghiệp, chính trị, văn hóa, tôn giáo...

Năm 1951, trong bức thư gửi cho bà con nông dân toàn quốc, Người viết: “Ruộng rẫy là chiến trường; Cuốc cày là vũ khí; Nhà nông là chiến sỹ; Hậu phương thi đua với tiền tuyến” [20, tr.44]. Cũng trong năm này, khi gửi thư cho các họa sĩ nhân triển lãm hội họa toàn quốc, Hồ Chí Minh lại nói: “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sỹ trên mặt trận ấy” [20, tr.246]. Gửi thư cho đồng bào Công giáo (1953), Người đã viết: “Phúc âm dạy chúng ta rằng: Chúa Cơ Đốc sinh ra làm gương mọi giống phúc đức như: hi sinh vì nước vì dân, làm gương lao động, công bằng ruộng đất, tin thờ Chúa bằng tinh thần. Chúng ta kháng chiến cứu nước, thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm, cải cách ruộng đất làm cho người cày có ruộng, tín ngưỡng tự do. Như thế là những việc Chính phủ và nhân dân ta làm, đều hợp với tinh thần Phúc âm” [11, tr.374].

Ngày 21/10/1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và nói chuyện với cán bộ, viên chức, sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Người đã chỉ dạy và căn dặn rằng: “Người thầy giáo tốt - thầy giáo xứng đáng là thầy giáo - là người vẻ vang nhất. Dù là tên tuổi không đăng trên báo, không được thưởng huân chương, song những người thầy giáo tốt là những anh hùng vô danh” và “làm thế nào để nhà trường này chẳng những là trường sư phạm mà còn là *trường mô phạm của cả nước*” [21, tr.402;404].

Việc sử dụng ngôn ngữ hình ảnh phù hợp, sẽ ngay lập tức gây sự chú ý và thiện cảm; đồng thời, hình ảnh mà Người nêu ra luôn quen thuộc, gần gũi sinh động nên đã góp phần giúp người nghe và đọc hiểu biết vấn đề nhanh, chính xác, nhớ lâu hơn.

2.3. Những giá trị đối với công tác dạy học ở trường phổ thông Việt Nam hiện nay

Qua tìm hiểu vấn đề nêu trên, tác giả nhận thấy một số giá trị từ phương thức sử dụng ngôn ngữ hình ảnh của Hồ Chí Minh trong các bài nói, bài viết cần được xem xét, vận dụng vào công tác giảng dạy của giáo viên ở các trường phổ thông nước ta hiện nay như sau:

- *Giáo viên (nhất là giáo viên dạy các môn xã hội) cần nhận thức rõ vai trò của ngôn ngữ hình ảnh và thường xuyên sử dụng trong hoạt động dạy học.* Vì sao giáo viên cần ý thức, quan tâm đến vấn đề này? Vì tác dụng, giá trị của nó. Hồ Chí Minh đã rất thành công trong việc sử dụng loại ngôn ngữ đặc biệt này trong giao tiếp, nhất là trong quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin, con đường cách mạng tới nhân dân Việt Nam. Về mặt quy luật của nhận thức, V.I.Lênin đã khái quát: “từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn, đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lí, của nhận thức hiện thực khách quan” [9, tr.179]. Điều đó có nghĩa là, hoạt động nhận thức của con người phải theo quy trình từ dễ đến khó, từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và thực tiễn. Mặc dù đối tượng, hoàn cảnh, điều kiện sử dụng ngôn ngữ hình ảnh của Hồ Chí Minh khác với việc giáo viên dạy học trong nhà trường hiện nay, nhưng cái đích sẽ giống nhau (giúp người nghe, đọc hiểu nhanh nhất, chính xác và cảm xúc nhất). Cho nên, tác dụng, giá trị của ngôn ngữ hình ảnh (biểu tượng) đối với nhận thức của con người không thay đổi. Dù ở bất cứ thời điểm, hoàn cảnh, đối tượng nào, ngôn ngữ hình ảnh vẫn phát huy được vai trò, thế mạnh của nó đối với nhận thức. Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành cũng như chương trình giáo dục phổ thông mới (2018), kiến thức các môn học xã hội thiên về lí thuyết và có tính trừu tượng cao, để giúp học sinh lĩnh hội tri thức và rèn luyện năng lực, phẩm chất tốt, giáo viên nên thường xuyên sử dụng ngôn ngữ hình ảnh trong phần hoạt động của mình.

- *Ngôn ngữ hình ảnh rất có thế mạnh trong việc minh họa, giải thích cho các nội dung, vấn đề khó, đặc biệt là các khái niệm trừu tượng.* Các môn như: Văn, Sử, Địa, Giáo dục công dân thường xuyên đề cập đến các khái niệm trừu tượng. Một số vấn đề của các môn học còn khô khan, khó tiếp thu, dễ nhầm lẫn. Sử dụng ngôn ngữ hình ảnh sẽ giúp nội dung môn học thêm

sinh động, hấp dẫn, dễ nhớ, nhớ lâu và hiểu nhanh vấn đề. Ví dụ: Bài 40 “Lênin và phong trào công nhân Nga đầu thế kỉ XX” (*Lịch sử lớp 10*). Trong mục “Tình hình nước Nga trước cách mạng” có nội dung: “Chính quyền Nga Hoàng phản động, áp bức, bóc lột nặng nề mọi tầng lớp”, giáo viên có thể sử dụng ngôn ngữ hình ảnh để trình bày như sau: Chính quyền Nga Hoàng phản động, áp bức, bóc lột nặng nề nhân dân lao động như cảnh tượng đau thương thời kì “đêm trường trung cổ” ở Châu Âu trước đây (Học sinh đã học về giai đoạn lịch sử thế giới trung đại nên hiểu rõ hình ảnh *đêm trường trung cổ*). Hoặc trong bài 1 “Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng” (*Giáo dục công dân lớp 10*). Ở nội dung “Vai trò của Triết học” có trình bày: “Triết học có vai trò là thế giới quan, phương pháp luận cho mọi hoạt động và nhận thức con người”. Giáo viên có thể sử dụng ngôn ngữ hình ảnh trình bày như sau: Triết học có vai trò là thế giới quan, phương pháp luận cho mọi hoạt động và nhận thức con người, như những ngọn hải đăng đứng sừng sững bên bờ đại dương để chỉ dẫn cho tàu thuyền đi đúng hướng trong đêm tối.v.v...

- *Cần sử dụng ngôn ngữ hình ảnh phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, nhất là trình độ nhận thức của học sinh.* Như đã nói ở trên, hình ảnh rất đa dạng, phong phú. Học sinh phổ thông cũng hết sức đa dạng. Ở mỗi cấp học, khối học, lớp học và vùng miền khác nhau, trình độ nhận thức của học sinh sẽ khác nhau. Về cơ bản, trình độ nhận thức lí tính (tư duy trừu tượng) càng phát triển ở những cấp học cao hơn. Học sinh ở khu vực thành phố, đồng bằng, nhận thức sẽ tốt hơn học sinh ở khu vực miền núi, hải đảo (nơi có điều kiện dạy học kém hơn). Như vậy, càng ở những bậc học thấp, và những vùng miền khó khăn, giáo viên càng nên sử dụng nhiều hơn ngôn ngữ trực quan sinh động (ngôn ngữ hình ảnh) trong quá trình dạy học. Không chỉ phù hợp với đối tượng người học, trong quá trình sử dụng ngôn ngữ hình ảnh, giáo viên còn chú ý đến sự phù hợp với nội dung bài giảng. Vì vậy, khi soạn giáo án, giáo viên cần cân nhắc lựa chọn những hình ảnh phù hợp nhất để đưa vào bài giảng. Không nên sử dụng hình ảnh một cách tùy tiện, gây ra hiệu ứng ngược, làm giảm hiệu quả của bài giảng.

- *Khai thác hình ảnh trong kho tàng văn học dân gian như: ca dao, tục ngữ, thành ngữ... vận dụng vào công tác dạy học.* Như chúng ta đã biết, văn học dân gian là sản phẩm tinh thần của nhân dân, phản ánh sinh động đời sống lao động sản xuất của cha ông ta. Chính vì vậy, ca dao, tục ngữ, thành ngữ rất gần gũi, sinh động, giàu chất nhạc và hình ảnh. Giáo viên cần khéo léo khai thác kho báu tinh thần này và tích hợp vào bài giảng sẽ rất có giá trị. Nó như những món gia vị làm cho món ăn thêm hấp dẫn, ngon ngọt, đậm đà khó quên. Ví dụ, khi giảng dạy về tinh thần đoàn kết và thương yêu nhau (môn Giáo dục công dân), giáo viên có thể sử dụng các câu ca dao, thành ngữ sau: “Bầu ơi, thương lấy bí cùng/ Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”; “Lá lành đùm lá rách”; “Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”; “Nhiều điều phủ lấy giá gương/ Người trong một nước phải thương nhau cùng”; “Khôn ngoan đối đáp người ngoài/ Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau” hoặc giảng dạy về kĩ năng sống: “Con ơi nhớ lấy câu này/ Sông sâu chớ lội, đò đầy chớ qua”; “Đi một ngày đàng học một sàng khôn”; “Lời nói không mất tiền mua/ Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”; “Kính trên nhường dưới”; “Bán anh em xa, mua láng giềng gần”.v.v... Tuy nhiên, giáo viên không nên lạm dụng khi tích hợp văn học dân gian vào bài giảng. Không nên biến một buổi học môn Văn, Sử, Địa hoặc Giáo dục công dân thành một buổi giảng về văn học dân gian, hoặc làm loãng, mờ nhạt nội dung bài giảng đi. Tích hợp văn học dân gian vào môn học là để bài giảng trở nên hấp dẫn, sâu sắc, hiệu quả hơn.

3. Kết luận

Ngôn ngữ hình ảnh hay ngôn ngữ biểu tượng là cách sử dụng từ ngữ tạo ra hình ảnh để giao tiếp và thể hiện tư duy, tình cảm, ý chí... của con người. Do tác động bởi chính sách cai trị của đế quốc thực dân và chiến tranh kéo dài sau ngày thành công của Cách mạng Tháng Tám

(1945), cho nên khả năng nhận thức của người dân Việt Nam ở thời điểm nửa đầu thế kỉ XX không cao, nhiều người còn không biết đọc, biết viết; đồng thời, bản thân Hồ Chí Minh rất am hiểu về lĩnh vực ngôn ngữ và văn hóa truyền thống của dân tộc. Vì vậy, để nhân dân hiểu nhanh và tốt các vấn đề, Hồ Chí Minh đã thường xuyên sử dụng ngôn ngữ hình ảnh trong các bài nói, bài viết.

Hình thức và phương pháp sử dụng ngôn ngữ hình ảnh của Hồ Chí Minh rất phong phú, đa dạng, tiêu biểu là: sử dụng hình ảnh đề minh họa, giải thích cho những vấn đề khó hiểu, trừu tượng; tạo hình ảnh qua ca dao, tục ngữ, thành ngữ hoặc tự sáng tạo hình ảnh theo quy tắc của ca dao, tục ngữ, thành ngữ; sử dụng ngôn ngữ hình ảnh phù hợp với đối tượng giao tiếp...

Các phương thức sử dụng ngôn ngữ hình ảnh của Hồ Chí Minh là những gợi ý quý báu cho công tác dạy học của giáo viên nói chung, giáo viên phổ thông nói riêng ở nước ta hiện nay. Để đạt được hiệu quả cao, trong quá trình vận dụng vào thực tiễn dạy học, giáo viên cần phát huy tính sáng tạo, linh hoạt, hài hòa và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh nơi mình công tác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Lai, 2007. *Hồ Chí Minh tầm nhìn ngôn ngữ*. Nxb Lao động, Hà Nội.
- [2] Viện Ngôn ngữ học, 2010. *Chủ tịch Hồ Chí Minh với cách nói và cách viết*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [3] Phạm Ngọc Hàm, 2017. Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh một phong cách chuẩn mực, truyền thống và hiện đại. *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự*, số 07.
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2009. *Giáo trình Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Hoàng Phê (chủ biên), 1992. *Từ điển tiếng Việt*. Trung tâm Từ điển Ngôn ngữ xuất bản, Hà Nội.
- [6] Hồ Chí Minh, 2011. *Toàn tập*, tập 5. Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Văn Quang, 2017. *Không gian văn hóa Huế với sự hình thành nhân cách Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- [8] Thanh Hải, *Nguyên tắc dùng từ của Bác Hồ: Giản dị, dễ hiểu mà giàu ý nghĩa*, Tạp chí Văn nghệ quân đội (online): http://vannghequandoi.com.vn/binh-luan-van-nghe/nguyen-tac-dung-tu-cua-bac-ho-gian-di-de-hieu-ma-giau-y-nghia_9932.html.
- [9] Lênin. V.I, 1981. *Toàn tập* (tập 29). Nxb Tiến bộ, Matxcova.
- [10] Hồ Chí Minh, 2011. *Toàn tập*, tập 13. Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [11] Hồ Chí Minh, 2011. *Toàn tập*, tập 8. Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [12] Chesneau, 1938. *Kỉ yếu Nha học chính Đông Dương*, tháng 4-1938.
- [13] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2009. *Giáo trình Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [14] Hồ Chí Minh, 2011. *Toàn tập*, tập 2. Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [15] Hồ Chí Minh, 2011. *Toàn tập*, tập 9. Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [16] Hồ Chí Minh, 2011. *Toàn tập*, tập 10. Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [17] Hồ Chí Minh, 2011. *Toàn tập*, tập 1. Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [18] Ban Tuyên Giáo Trung Ương, 2009. *Những mẫu chuyện về tám gương đạo đức Hồ Chí Minh*. Nxb Thông tấn, Hà Nội.
- [19] Hồ Chí Minh, 1985. *Truyện và kí*. Nxb Văn học, Hà Nội.
- [20] Hồ Chí Minh, 2011. *Toàn tập*, tập 7. Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [21] Hồ Chí Minh, 2011. *Toàn tập*, tập 14. Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

ABSTRACT

**How to use the visual language of President Ho Chi Minh
and its values in teaching in Vietnam high school**

Duong Van Khoa

Faculty of Politics – Civic Education, Hanoi National University of Education

Visual language or symbolic language is a way of using words to create images to communicate and express thoughts, feelings, will... Stemming from the situational conditions of the country's reality, the requirements of the Vietnamese revolution, and his ability in terms of culture in general and language in particular, Ho Chi Minh often used visual language in his speeches and articles. Using words full of images or creating images to illustrate and explain difficult and abstract issues; creating images through folk songs, proverbs, idioms or creating images by themselves according to the rules of folk songs, proverbs and idioms; using visual language suitable for audience... are typical methods by Ho Chi Minh. These are valuable experiences for our teaching and propaganda today. When applying it to teaching practice, teachers need to be creative and flexible in their local conditions and circumstances.

Keywords: visual language, Ho Chi Minh, teaching.